

Phụ lục I

THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC

STT	Nội dung thông tin	Thông tin của đơn vị	Ghi chú
1	Tên cơ sở giáo dục (bao gồm tên bằng tiếng nước ngoài, nếu có)	Trường Mầm non Hòa Mi	
2	Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử)	311/14/29 đường 30/4, phường Thủ Dầu Một, TP. Hồ Chí Minh	
3	Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp hoặc chủ sở hữu; tên nhà đầu tư thành lập cơ sở giáo dục, thuộc quốc gia/ vùng lãnh thổ (đối với cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài); danh sách tổ chức và cá nhân góp vốn đầu tư (nếu có)	Cơ sở giáo dục công lập	
4	Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.	*Sứ mạng: Xây dựng môi trường học tập lành mạnh, thân thiện, tích cực, có nền nếp, kỷ cương, đạt chất lượng giáo dục cao để mỗi giáo viên và trẻ đều có cơ hội phát triển tài năng, tư duy sáng tạo và kỹ năng ứng dụng vào chương trình chăm sóc – giáo dục trẻ, thích ứng nhanh trong quá trình hòa nhập vào cuộc sống. *Tầm nhìn: trở thành một hệ thống trường giáo dục có chất lượng, chăm sóc trẻ khỏe về thể chất, mạnh mẽ về trí lực. Trường luôn hướng tới nền văn hoá giáo dục hiện đại, với những cách thức giao tiếp, truyền đạt mới mẻ giúp trẻ phát huy hết những năng lực tiềm ẩn của chính mình. Duy trì đạt chuẩn Quốc gia mức độ I, chất lượng giáo dục cấp độ 2. *Mục tiêu của nhà trường	



		Huy động toàn bộ đội ngũ CBGVNV nhà trường tiếp tục thực hiện có hiệu quả cuộc vận động “Học tập và làm theo tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh, cuộc vận động “Mỗi thầy, cô giáo là tấm gương đạo đức - tự học – sáng tạo”; Tạo các mối quan hệ đúng đắn trong nhà trường; chăm sóc - giáo dục trẻ phát triển toàn diện về mọi mặt; chấp hành tốt Pháp luật – kỷ cương - nề nếp, văn hóa nhà trường, ngoài xã hội và trong gia đình.	
5	Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.	Trường MN Hòa Mi được thành lập theo Quyết định số 102/1998/QĐ.UB ngày 09/9/1998 của UBND Thị xã Thủ Dầu Một; năm học 2022-2023 trường được xây dựng mới tổng số 18 phòng học, 2 phòng chức năng, khu vực hiệu bộ: 5 phòng, 01 nhà bếp, có nhà vệ sinh giáo viên và trẻ nam, nữ riêng biệt; có nhà xe CBGVNV; đồ dùng, trang thiết bị dạy học đáp ứng được công tác chăm sóc – giáo dục trẻ và các hoạt động giáo dục khác theo chương trình giáo dục Mầm non. Trường có tường rào bao quanh chắc chắn và sân chơi cho các cháu, khuôn viên trường rộng rãi, có đủ đồ chơi ngoài trời, hoa kiểng được sắp xếp và bố trí phù hợp với đặc điểm lứa tuổi mầm non. Nhiều năm qua trường đã không ngừng phấn đấu về mọi mặt và luôn giữ vững danh hiệu tập thể Lao động tiên tiến. Năm 2025 trường được UBND tỉnh Bình Dương công nhận đạt chuẩn quốc gia mức độ 1, Sở GDĐT tỉnh Bình Dương công nhận đạt chất lượng giáo dục cấp độ 2. Chi bộ trường hiện có 177 đảng viên. Trường có 04 tổ chuyên môn, 01 tổ văn phòng và Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh được thành lập theo quy định và tổ chức hoạt động góp phần hoàn thành nhiệm vụ năm học của nhà trường. Trường có nhiều năm liền đạt Trường học Văn hóa, Tập thể lao động tiên tiến; Chi bộ hoàn thành tốt; Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao của ngành, của địa phương tổ chức.	

6	Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử.	Bà: Huỳnh Thị Phụng Chức vụ: Hiệu trưởng SDT: 0978367826 Địa chỉ nơi làm việc: số 311/14/29, đường 30 tháng 4, phường Thủ Dầu Một, thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ mail: huynhphungminhtri@gmail.com	
7	Tổ chức bộ máy	- Quyết định số 102/1998/QĐ.UB ngày 09/9/1998 của UBND Thị xã Thủ Dầu Một - Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng số 35/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 về việc bổ nhiệm Hiệu trưởng trường mầm non Hòa Mi. - Quyết định bổ nhiệm Phó hiệu trưởng số 170/QĐ-UBND ngày 08/7/2025 về việc bổ nhiệm Phó hiệu trưởng trường mầm non Hòa Mi. - Quyết định bổ nhiệm Phó hiệu trưởng số 169/QĐ-UBND ngày 08/7/2025 về việc bổ nhiệm Phó hiệu trưởng trường mầm non Hòa Mi.	
8	Các văn bản khác của cơ sở giáo dục	- Trong năm học 2025 - 2026 và những năm tiếp theo nhà trường thực hiện tốt việc phối hợp với các thành viên lãnh đạo nhà trường, thống nhất các nội dung, giải pháp giám sát cụ thể, thực hiện rà soát, bổ sung, điều chỉnh kế hoạch chiến lược phát triển phù hợp. Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát. Chỉ đạo các thành viên báo cáo kết quả thực hiện theo hàng quý. Đồng thời tham mưu với các cấp lãnh đạo địa phương hỗ trợ nhà trường trong các hoạt động nhằm giúp nhà trường thực hiện kế hoạch phát triển đạt hiệu quả thiết thực hơn. - Nhà trường luôn thực hiện tốt các chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước. Chấp hành nội quy, quy chế dân chủ tại cơ sở. Hàng năm nhà trường xây dựng kế hoạch phòng chống tham nhũng và triển khai trong tập thể cùng thực hiện. Trong những năm học qua tính đến thời điểm đánh	



		giá nhà trường không có trường hợp khiếu nại, tố cáo xảy ra.	
--	--	--	--

Phụ lục II

ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG THỦ DẦU MỘT
TRƯỜNG MẦM NON HỌA MI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc

Thủ Dầu Một, ngày 10 tháng 6 năm 2026

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm: 2026

(Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của
Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường Mầm non Hòa Mi

2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử)

Địa chỉ: 311/14/29, đường 30 tháng 4, phường Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 02743.828.764

Website: <https://mnhoami@tptdm.edu.vn>

3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/tổ chức quản lý trực tiếp hoặc chủ sở hữu

Loại hình: thuộc cơ sở giáo dục công lập

Cơ quan quản lý trực tiếp: Ủy ban nhân dân Phường Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

Sứ mệnh: Xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện và tích cực; bảo đảm nền nếp, kỷ cương và chất lượng giáo dục. Tạo điều kiện để mỗi giáo viên phát huy năng lực chuyên môn, đổi mới sáng tạo trong tổ chức hoạt động; mỗi trẻ được chăm sóc, giáo dục toàn diện, phát triển tư duy, kỹ năng và khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn, từng bước hình thành nền tảng vững chắc để thích ứng và hòa nhập hiệu quả với cuộc sống.

Tầm nhìn: Xây dựng và phát triển nhà trường trở thành một hệ thống giáo dục chất lượng cao, bảo đảm chăm sóc trẻ phát triển toàn diện về thể chất, vững vàng về trí tuệ và phong phú về cảm xúc – kỹ năng. Nhà trường hướng tới xây dựng nền văn hóa giáo dục hiện đại, nhân văn, với phương thức giao tiếp và tổ chức hoạt động giáo dục đổi mới, sáng tạo, tạo điều kiện để mỗi trẻ được khám phá, phát huy tối đa tiềm năng và năng lực cá nhân. Duy trì và giữ vững danh hiệu Trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1, chất lượng giáo dục cấp độ 2.

Hệ thống giá trị cơ bản:

- An toàn – Nhân ái: Đặt sự an toàn và lợi ích của trẻ lên hàng đầu, giáo dục bằng tình yêu thương và sự tôn trọng.

- Trách nhiệm – Tôn trọng: Thực hiện trách nhiệm nghề nghiệp; tôn trọng trẻ, cha mẹ trẻ và đồng nghiệp.

- Kỷ cương – Nền nếp: Xây dựng môi trường giáo dục kỷ luật, nghiêm túc, thân thiện và hiệu quả.

- Chất lượng – Hiệu quả: Không ngừng nâng cao chất lượng chăm sóc – giáo dục trẻ, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

- Sáng tạo – Phát triển bền vững: Khuyến khích đổi mới phương pháp, phát huy tiềm năng của trẻ và đội ngũ.

- Hợp tác – Chia sẻ: Tăng cường phối hợp giữa nhà trường – gia đình – xã hội.

Mục tiêu chung

Huy động đội ngũ CBGVNV nhà trường tiếp tục thực hiện có hiệu quả hơn cuộc vận động “Học tập và làm theo tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh, cuộc vận động “Mỗi thầy, cô giáo là tấm gương đạo đức - tự học – sáng tạo”; Tạo các mối quan hệ đúng đắn trong nhà trường; chăm sóc - giáo dục trẻ phát triển toàn diện về mọi mặt; chấp hành tốt Pháp luật – kỷ cương - nề nếp, văn hóa nhà trường, ngoài xã hội và trong gia đình.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Trường MN Hòa Mi được thành lập theo Quyết định số 102/1998/QĐ.UB ngày 09/9/1998 của UBND Thị xã Thủ Dầu Một; năm học 2022-2023 trường được xây dựng mới tổng số 18 phòng học, 2 phòng chức năng, khu vực hiệu bộ: 5 phòng, 01 nhà bếp, có nhà vệ sinh giáo viên và trẻ nam, nữ riêng biệt; có nhà xe CBGVNV; đồ dùng, trang thiết bị dạy học đáp ứng được công tác chăm sóc – giáo dục trẻ và các hoạt động giáo dục khác theo chương trình giáo dục Mầm non.

Trường có tường rào bao quanh chắc chắn và sân chơi cho các cháu, khuôn viên trường rộng rãi, có đủ đồ chơi ngoài trời, hoa kiểng được sắp xếp và bố trí phù hợp với đặc điểm lứa tuổi mầm non.

Nhiều năm qua trường đã không ngừng phấn đấu về mọi mặt và luôn giữ vững danh hiệu tập thể Lao động tiên tiến. Năm 2025 trường được UBND tỉnh Bình Dương công nhận đạt chuẩn quốc gia mức độ 1, Sở GDĐT tỉnh Bình Dương công nhận đạt chất lượng giáo dục cấp độ 2.

Chi bộ trường hiện có 17 đảng viên. Trường có 04 tổ chuyên môn, 01 tổ văn phòng và Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh được thành lập theo quy định và tổ chức hoạt động góp phần hoàn thành nhiệm vụ năm học của nhà trường. Trường có nhiều năm liền đạt Trường học Văn hóa, Tập thể lao động tiên tiến; Chi bộ hoàn thành tốt; Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao của ngành, của địa phương tổ chức.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ

Người đại diện pháp luật: Bà Huỳnh Thị Phụng

Chức vụ: Hiệu trưởng.

Địa chỉ nơi làm việc: 311/14/29 đường 30 tháng 4, phường Thủ Dầu Một, thành phố Hồ Chí Minh.

Số điện thoại: 0978 367 826

Email: huynhphungminhtri@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định thành lập trường

- Quyết định số 102/1998/QĐ.UB ngày 09/9/1998 của UBND Thị xã Thủ Dầu Một.
- Quyết định bổ nhiệm hiệu trưởng số 35/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 về việc bổ nhiệm Hiệu trưởng trường Mầm non Hòa Mi.

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường

Không

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục;

- Quyết định số 102/1998/QĐ.UB ngày 09/9/1998 của UBND Thị xã Thủ Dầu Một.
- Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 về việc bổ nhiệm Hiệu trưởng trường Mầm non Hòa Mi.
- Quyết định số 170/QĐ-UBND ngày 08/7/2025 về việc bổ nhiệm Phó hiệu trưởng trường Mầm non Hòa Mi.
- Quyết định số 169/QĐ-UBND ngày 08/7/2025 về việc bổ nhiệm Phó hiệu trưởng trường Mầm non Hòa Mi.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục

Cơ chế hoạt động của trường: Nhà trường hoạt động theo quy định của Luật Giáo dục; Điều lệ Trường mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; các văn bản chỉ đạo của cấp trên và Quy chế tổ chức, hoạt động của nhà trường. Hoạt động của trường bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai, minh bạch; phát huy vai trò tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tập thể lãnh đạo, cán bộ, giáo viên, nhân viên; tăng cường phối hợp giữa nhà trường – gia đình – xã hội trong công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ.

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục:

- Tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ bảo đảm an toàn tuyệt đối về thể chất và tinh thần.
- Quản lý, sử dụng hiệu quả đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác bồi dưỡng, nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ.
- Quản lý, sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị, tài chính theo đúng quy định; thực hiện công khai, minh bạch.
- Thực hiện công tác kiểm tra, đánh giá, tự đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục.
- Phối hợp với cha mẹ trẻ và các tổ chức, cá nhân liên quan trong việc chăm sóc, giáo dục trẻ.
- Thực hiện các quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý của cơ quan có thẩm quyền.

Sơ đồ tổ chức bộ máy của đơn vị:

- Hiệu trưởng
- Các Phó Hiệu trưởng
- Các tổ chuyên môn
- Tổ văn phòng
- Các nhóm, lớp



- Các đoàn thể trong nhà trường (Chi bộ Đảng, Chi đoàn, Ban đại diện cha mẹ trẻ)
đ) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có): Không có

e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Điện thoại	Thư điện tử
1	Huỳnh Thị Phụng	Hiệu trưởng	0978 367 826	huynhphungminhtri@gmail.com
2	Nguyễn Thị Hoài Thương	PHT	0966571775	121281hoaituong@gmail.com
3	Du Thị Yến Nhi	PHT	0945662301	yennhidu@gmail.com

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có).

Cơ sở giáo dục ban hành và tổ chức thực hiện đầy đủ hệ thống văn bản quản lý nội bộ, bao gồm: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; Quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở; các nghị quyết của Hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự và tài chính; cùng các quy định, quy chế nội bộ khác theo quy định hiện hành.

Hệ thống văn bản được xây dựng, ban hành và triển khai thực hiện thống nhất, bảo đảm tính pháp lý, công khai, minh bạch, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và chất lượng hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ của nhà trường.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

Năm học	Tổng số	Cấp MN				
		Trình độ ĐH	Trình độ CĐ	Trung cấp/ khác	GVMN hạng II	GV MN hạng III
CBQL	3	3			3	
GV	25	18	7		4	21
NV	11	1		1		
Cộng	39	21	6	1	7	19

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Các chỉ số đánh giá về cơ sở vật chất:

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo 2025	Năm trước liền kề năm báo cáo 2024
1	Diện tích đất	5.637m ²	5.637m ²
2	Diện tích sàn/người học (m ²)	2,472m ²	2,472m ²
3	Tỷ lệ giáo viên có chỗ làm việc riêng biệt	không	không
4	Số đầu sách		
5	Số bản sách/người học	/.....	/.....

2. Diện tích đất và diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo

TT	Tên trường	Địa chỉ	Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn (m ²)
1	Trường MN Hòa Mi	311/14/29, đường 30 tháng 4, phường Thủ dầu Một TPHCM	5.637m ²	2,472m ²

3. Các hạng mục cơ sở vật chất được đầu tư mới trong năm

TT	Hạng mục đầu tư	Địa điểm	Kinh phí (triệu đồng)
1	Xây mới	0	0
2	Nâng cấp	0	0
3	Đầu tư mới phòng thí nghiệm, bộ môn	0	0
	Nâng cấp phòng thí nghiệm, bộ môn	0	0

Tổng cộng	
------------------	--

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

- Tên tổ chức kiểm định (tên đầy đủ và tên viết tắt): Trường Mầm non Hoà Mi, tên viết tắt là: Trường MN Hoà Mi

- Tiêu chuẩn kiểm định được áp dụng:

+ Thông tư số 22/2024/TT-BGDĐT được ban hành ngày 10/12/2024, sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 19/2018/TT-BGDĐT (kèm theo Thông tư 17/2018 và 18/2018) về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với các cấp.

+ Mức độ đạt kiểm định: Mức độ 2

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục trong năm học:

a) Kế hoạch hoạt động tuyển sinh, trong đó quy định rõ đối tượng, chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh và các thông tin liên quan;

*Chỉ tiêu tuyển sinh năm học 2025- 2026: 353 trẻ/11 nhóm lớp

- Nhóm trẻ 25-36 tháng: 48 trẻ/2 nhóm

- Lớp Mầm: 66 trẻ/2 lớp

- Lớp Chồi: 103 trẻ/3 lớp

- Lớp Lá: 136 trẻ/4 lớp

*Phương thức tuyển sinh: xét tuyển trực tuyến

*Đối tượng tuyển sinh:

- Nhà trường nhận trẻ sinh năm 2020, 2021, 2022 và trẻ sinh từ tháng 01/2023 đến tháng 9/2023 (đủ 24 tháng tuổi).

- Riêng trẻ 5 tuổi (sinh năm 2019) nhận tất cả trẻ thường trú và tạm trú.

- Nhà trường ưu tiên cho trẻ 5 tuổi (sinh năm 2019) ra lớp.

*Hồ sơ tuyển sinh:

- Đơn xin nhập học (do trường phát hành)

- Bản sao Giấy khai sinh hợp lệ (bản sao hợp lệ có mộc đỏ)

- Bản photo Sổ theo dõi sức khỏe của trẻ (sổ tiêm ngừa cá nhân)

- Giấy xác nhận mã định danh cá nhân trẻ (bản chính và bản photo) hoặc Giấy xác nhận nơi cư trú trên địa bàn phường Phú Thọ.

*Thời gian tuyển sinh: Từ 02/6/2025 đến ngày 10/6/2025:

+ Sáng: 7 giờ 30 phút đến 11 giờ

+ Chiều: 14 giờ 30 đến 16 giờ 00

*Địa điểm nhận hồ sơ dự tuyển: Trường Mầm non Hoà Mi, số 311/14/29, đường 30 tháng 4, Khu phố Phú Thọ 4, phường Thủ Dầu Một, thành phố Hồ Chí Minh.

*Hình thức tuyển sinh: trực tuyến

- Nhận hồ sơ đăng ký trực tuyến theo địa chỉ <https://tuyensinh.tptdm.edu.vn/nhap> đầy đủ thông tin theo yêu cầu bắt đầu từ ngày 02/6/2025 đến ngày 10/6/2025. Cha mẹ trẻ cập nhật trang Website, Fanpage trường mầm non Hoà Mi để xem video hướng dẫn đăng ký.

- Đối với học sinh cũ: Cha mẹ trẻ trực tiếp đăng ký tại trường Mầm non Hòa Mi (hoặc trên Group nhóm/lớp cũ).

b) Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục;

Nhà trường xây dựng và triển khai kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ hằng năm, phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non, điều kiện thực tế của nhà trường và đặc điểm phát triển của trẻ. Kế hoạch bảo đảm nội dung nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục toàn diện; chú trọng an toàn, sức khỏe, phát triển thể chất, tình cảm – kỹ năng xã hội, ngôn ngữ, nhận thức và thẩm mỹ cho trẻ; được tổ chức thực hiện, theo dõi, đánh giá và điều chỉnh kịp thời nhằm nâng cao chất lượng giáo dục.

c) Quy chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục mầm non với gia đình và xã hội;

Nhà trường ban hành và thực hiện quy chế phối hợp với gia đình và các tổ chức, cá nhân trong cộng đồng nhằm thống nhất trong công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. Việc phối hợp được thực hiện thường xuyên, hiệu quả thông qua trao đổi thông tin, tuyên truyền, huy động sự tham gia và nguồn lực xã hội, góp phần xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh và nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ.

d) Thực đơn hằng ngày của trẻ em;

Nhà trường xây dựng và thực hiện thực đơn hằng ngày cho trẻ bảo đảm đủ năng lượng, cân đối các nhóm chất dinh dưỡng, phù hợp độ tuổi và nhu cầu phát triển của trẻ; thực đơn được thay đổi linh hoạt, bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm và được công khai để cha mẹ trẻ phối hợp thực hiện.

đ) Các dịch vụ giáo dục mầm non theo quy định (nếu có): Không

2. Thông tin về kết quả thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em của năm học trước:

TT	Nội dung	Năm học 2025 - 2026
1	Tổng số lớp	11
2	Tổng số trẻ	353
3	Số trẻ bình quân/nhóm (lớp)	32
4	Số trẻ học 2 buổi/ngày	353
5	Số trẻ được tổ chức ăn bán trú	353
6	Số trẻ được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng và kiểm tra sức khỏe định kỳ	353
7	Kết quả thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 05 tuổi	136
8	Số trẻ khuyết tật	0

3. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm nội dung: số lượng trẻ em đang học (chia theo số lượng trẻ em là người Việt Nam và số lượng trẻ em là người nước ngoài): Không

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026 (Đến ngày 31/5/2026)

Đvt: Triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán được giao
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí, thu sự nghiệp	312,6
1.1	Học phí	
1.2	Thu sự nghiệp	312,6
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	172,2
2.1	Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	172,2
	Học phí	-
	Thu sự nghiệp	-
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2.2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	10.236
1	Sự nghiệp Giáo dục, đào tạo và dạy nghề	10.236

1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	5.242
	Trong đó: - Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (13)	5.242
	- Bổ sung từ nguồn CCTL của tỉnh (14)	
	- Chi khen thưởng nguồn (18) khen thưởng theo quy định	
	* Đã trừ tiết kiệm theo quy định	
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	4.994
	Trong đó: - Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (12)	940
	- Chi khen thưởng nguồn (18) khen thưởng theo quy định	246
	* Đã trừ tiết kiệm theo quy định	

CÔNG KHAI THU - CHI TIỀN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CẤP
NĂM 2026 (Đến ngày 31/5/2026)

ĐVT: đồng

STT	Chỉ tiêu	Số tiền	Ghi chú
I	Dự toán năm trước chuyển sang	759,1	
	Trong đó: - Trong khoản	759,1	
	- CCTL	0	
	- Ngoài khoản	0	
	- Sửa chữa	0	
	- Mua sắm (Trang bị PCCC)	0	

I	Dự toán được giao năm 2026	10.236	
	Trong đó: - Trong khoán	5.242	
	- CCTL	3.808	
	- Ngoài khoán	807	
	- Khen thưởng ND73	246	
	- Sửa chữa	133	
	- Mua sắm	0	
II	Tổng dự toán điều chỉnh giảm	0	
	Trong đó: - Trong khoán	0	
	- CCTL	0	
	- Ngoài khoán	0	
	- Dự toán giữ lại (nguồn 13)	0	
	- Mua sắm	0	
II	Tổng dự toán được sử dụng năm 2026	10.995,1	
	Trong đó: - Trong khoán	6.001,1	
	- CCTL	3.808	
	- Ngoài khoán	940	
	- Khen thưởng ND73	246	
	- Dự toán giữ lại (nguồn 28)		
	- Mua sắm	0	

III	Tổng kinh phí đã sử dụng đến ngày 31/5/2026	3.335,5	
	Trong đó: - Trong khoán (chi tiết đính kèm)	2.050,0	
	- CCTL	893,98	
	- Ngoài khoán (chi tiết đính kèm)	391,5	
	- Ngoài khoán	0	
	- Sửa chữa	0	
	- Mua sắm	0	
IV	Tổng kinh phí còn tại KBNN	7.659,6	
	Trong đó: - Trong khoán	3.951,1	
	- CCTL	2.914,0	
	- Ngoài khoán	548,5	
	- Sửa chữa	0	
	- Mua sắm	246,0	

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC NĂM 2026
(Đến ngày 31/5/2026)

Số TT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Ghi chú
I	Quyết toán thu	312,6		
A	Tổng số thu	312,6		
1	Số thu phí, lệ phí			

2	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ			
3	Thu sự nghiệp khác	312,6		
B	Chi từ nguồn thu được để lại	172,2		
1	Chi từ nguồn thu phí được để lại			
1.1	Chi sự nghiệp học phí	172,2		
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	172,2		
	Chi lương +BHXH	25,3		
	Chi vật tư văn phòng, chi thanh toán khác	146,9		
	Chi cho công tác Đảng ở tổ chức Đảng cơ sở và các cấp trên cơ sở			
	Chi mua báo tạp chí của Đảng			
	Chi trợ cấp cấp ủy			
	Chi tiền tết			
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
1.2	Chi quản lý hành chính			
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ			
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ			

2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ			
3	Hoạt động sự nghiệp khác		-	
6900	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng			
6912	Thiết bị tin học			
6921	Đường điện, cấp thoát nước			
6949	Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác			
7750	Chi khác			
7799	Chi các khoản khác			
C	Số thu nộp NSNN			
1	Số phí, lệ phí nộp NSNN			
1.1	Lệ phí			
	Lệ phí A			
	Lệ phí B			
1.2	Phí			
	Phí A			
	Phí B			
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ			
3	Hoạt động sự nghiệp khác			
II	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	3.335,5		
1	Chi quản lý hành chính			

1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ			
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ			
2	Nghiên cứu khoa học			
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ			
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia</i>			
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ</i>			
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở</i>			
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng			
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	3.335,5		
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	2.050,0		
	Nguồn kinh phí tự chủ - Nguồn 13	2.050,0		
6000	Tiền lương	1.129,9		
6001	Lương theo ngạch, bậc	1.129,9		
6003	Lương hợp đồng theo chế độ			
6050	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng			
6051	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng			
6100	Phụ cấp lương	587,0		
6101	Phụ cấp chức vụ	30,0		

6107	Phụ cấp độc hại			
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	379,4		
6113	Phụ cấp trách nhiệm	1,2		
6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	176,4		
6200	Tiền thưởng			
6201	Thưởng thường xuyên theo nghị định 73CP			
6250	Phúc lợi tập thể			
6299	Chi khác			
6254	Tiền y tế trong cơ quan, đơn vị			
6300	Các khoản đóng góp	287,3		
6301	Bảo hiểm xã hội	227,2		
6302	Bảo hiểm y tế	40,1		
6303	Kinh phí công đoàn			
6304	Bảo hiểm thất nghiệp	13,3		
6349	BH TNLĐ, bệnh nghề nghiệp	6,7		
6400	Các khoản thanh toán khác cho các nhân			
6404	Chi chênh lệch thu nhập thực tế so với lương ngạch bậc, chức vụ			
6449	Trợ cấp, phụ cấp khác			
6500	Thanh toán dịch vụ công cộng	35,6		

6501	Tiền điện	31,8		
6502	Tiền nước	2,2		
6504	Tiền vệ sinh, môi trường	1,6		
6550	Vật tư văn phòng			
6551	Văn phòng phẩm			
6552	Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng			
6553	Khoán văn phòng phẩm			
6599	Vật tư văn phòng khác			
6600	Thông tin tuyên truyền liên lạc	1,9		
6601	Cước phí điện thoại trong nước	1,9		
6605	Thuê bao kênh vệ tinh, thuê bao cáp truyền hình, cước phí Internet, thuê đường truyền mạng			
6606	Tuyên truyền, quảng cáo			
6608	Sách, báo, tạp chí, thư viện			
6618	Khoán điện thoại			
6649	Khác			
6700	Công tác phí			
6701	Tiền vé máy bay, tàu xe			
6702	Phụ cấp công tác phí			
6703	Tiền thuê phòng ngủ			

6704	Khoản công tác phí			
6750	Chi thuê mướn			
6751	Chi thuê phương tiện vận chuyển			
6754	Thuê thiết bị các loại			
6757	Thuê lao động trong nước			
6758	Thuê đào tạo lại cán bộ			
6799	Chi phí thuê mướn khác			
6900	Chi sửa chữa thường xuyên TSCĐ	3,3		
6907	Nhà cửa			
6912	Các thiết bị công nghệ thông tin			
6913	Tài sản và thiết bị văn phòng (Máy photocopy)			
6916	Máy bơm nước			
6917	Bảo trì và hoàn thiện phần mềm máy tính			
6921	Đường điện, cấp thoát nước			
6949	Các tài sản khác	3,3		
6950	Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn			
6999	Tài sản và thiết bị khác			
7000	Chi nghiệp vụ chuyên môn			
7001	Chi mua hàng hóa, vật tư dùng cho chuyên môn			



7004	Chi trang phục, đồng phục			
7049	Chi nghiệp vụ chuyên môn khác			
7050	Mua sắm tài sản vô hình	3,0		
7001	Chi mua hàng hóa, vật tư dùng cho chuyên môn của từng ngành			
7053	Mua, bảo trì phần mềm công nghệ thông tin	3,0		
7049	Chi phí khác			
7750	Chi khác	2,0		
7756	Chi các khoản phí và lệ phí của các đơn vị dự toán	2,0		
7757	Chi bảo hiểm tài sản và phương tiện			
7758	Chi hỗ trợ khác			
7761	Chi tiếp khách			
7764	Chi khen thưởng			
7799	Chi khác			
7950	Chi lập các quỹ của đơn vị thực hiện khoán chi và đơn vị sự nghiệp có thu			
7951	Chi lập quỹ dự phòng ổn định thu nhập			
7952	Chi lập quỹ phúc lợi của đơn vị sự nghiệp			
7953	Chi lập quỹ khen thưởng của đơn vị sự nghiệp			
7954	Chi lập quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp			
7850	Chi cho công tác Đảng ở tổ chức Đảng cơ sở và các cấp trên cơ sở			

7854	Chi thanh toán các dịch vụ công cộng, vật tư văn phòng, thông tin tuyên truyền, liên lạc, chi đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, công tác Đảng, các chi phí Đảng vụ khác và phụ cấp cấp ủy			
	Nguồn kinh phí tự chủ- Nguồn 14 CCTL	893,98		
6000	Tiền lương			
6001	Lương theo ngạch bậc			
6003	Lương hợp đồng theo chế độ			
6100	Phụ cấp lương			
6101	Phụ cấp chức vụ			
6107	Phụ cấp độc hại			
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề			
6113	Phụ cấp trách nhiệm			
6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề			
6400	Các khoản thanh toán khác cho các nhân	893,98		
6449	Trợ cấp, phụ cấp khác (trợ cấp TT HIC)	893,98		
6300	Các khoản đóng góp			
6301	Bảo hiểm xã hội			
6302	Bảo hiểm y tế			
6303	Kinh phí công đoàn			
6304	Bảo hiểm thất nghiệp			
	Nguồn kinh phí không tự chủ- Nguồn 12	391,5		

6100	Phụ cấp lương --			
6105	Phụ cấp làm đêm, làm thêm giờ			
6150	Học bổng và chi hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi học	0,8		
6157	Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập	0,8		
6401	Hỗ trợ đối tượng chính sách chi tiền ăn			
6400	Các khoản thanh toán khác cho các nhân	77,6		
6401	Tiền ăn	1,6		
6449	Trợ cấp, phụ cấp khác: (trợ cấp chế độ thạc sĩ, 30% GV không đứng lớp, thư viện, y tế, phục vụ, bảo vệ, cấp dưỡng, kế toán, văn thư, hỗ trợ 5 năm giáo viên tuyển dụng mới .)	76		
6550	Vật tư văn phòng			
6599	Vật tư văn phòng khác			
6750	Chi phí thuê mướn			
6758	Thuê đào tạo lại cán bộ			
6799	Chi phí thuê mướn khác			
6900	Sửa chữa, tu duy tài sản			
6907	Nhà cửa			
6912	Các thiết bị công nghệ thông tin			
6921	Chi sửa chữa đường điện, cấp thoát nước			
6949	Sửa chữa các tài sản và công trình hạtàng khác, cắt tỉa hạ thấp cây xanh, sửa thiết bị PCCC, Camera			
6950	Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn			

6956	Các thiết bị công nghệ thông tin			
7000	Chi nghiệp vụ chuyên môn	0,5		
7004	Đồng phục, trang phục			
7049	Chi nghiệp vụ chuyên môn khác	0,5		
7053	Chi mua, bảo trì phần mềm, phí tuyển sinh đầu cấp			
7750	Chi khác	312,6		
7756	Chi các khoản phí và lệ phí			
7766	Chi bù học phí cho cơ sở đào tạo	312,6		
7799	Chi các khoản khác: tiền tết			
7850	Chi cho công tác Đảng ở tổ chức Đảng cơ sở và các cấp trên cơ sở			
7851	Chi mua báo tạp chí của Đảng			
8049	Chi khác: trợ cấp thôi việc			
	Nguồn khen thưởng -18			
6200	Thưởng thường xuyên			
	TỔNG CỘNG	3.335,5		

CÔNG KHAI THU - CHI TIỀN HỌC PHÍ

NĂM 2026 (Đến ngày 31/5/2026)

ĐVT: đồng

STT	Chỉ tiêu	Số tiền	Ghi chú
I	Tồn đầu kỳ chuyển sang (tại KBNN)	159,7	
II	Tổng số thu	312,6	
	- Thu học phí:	312,6	

III	Tổng kinh phí sử dụng	172,2	
III	Tổng chi	172,2	
1.	Chi lương	1,4	
2.	Chi lương từ cấp bù học phí	-	
3.	Chi tiền báo Đảng quý 1+2/202...	-	
4.	Phụ cấp trách nhiệm		
5.	Phúc lợi tập thể		
6.	Các khoản đóng góp	23,9	
7.	Hội nghị		
8.	Công tác phí	4,3	
9.	Chi mua vật tư văn phòng	11,5	
10.	Chi phí thuê mượn		
11.	Chi trợ cấp cấp ủy		
12.	Chi tiền tết 2024		
13.	Chi tiền điện		
14.	Chi tiền sửa chữa bàn ghế		
15.	Chi trích lập quỹ năm 2024		
16.	Chi mua sắm trang thiết bị nhỏ		
17.	Chi tiền nước sinh hoạt		
18.	Chi tiền cước dịch vụ viễn thông		
19.	Chi tiền y tế trong cơ quan, đơn vị		
20.	Chi thanh toán dịch vụ công cộng	8,9	

21	Chi các khoản đóng góp (HĐ khoán bảo vệ)		
22.	Chi thông tin, tuyên truyền, liên lạc	0,47	
23.	Chi phí thuê mướn	118,3	
24.	Chi sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn	1,9	
25.	Chi nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành		
26.	Chi mua sắm tài sản vô hình		
27.	Chi khác	1,6	
IV	Tồn cuối kỳ - thời điểm ngày 31/5/2026 (Tồn tại KBNN)	300,1	

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường đảm bảo sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, bố trí đội ngũ giáo viên hiệu quả

Ngay từ đầu năm học, nhà trường đã xây dựng kế hoạch giáo dục tổng thể và chi tiết theo từng giai đoạn, phù hợp với điều kiện thực tế. Lãnh đạo nhà trường chỉ đạo tổ chuyên môn tổ chức xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình Giáo dục mầm non theo hướng mở, linh hoạt, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất nhưng vẫn phát huy được sáng tạo của giáo viên. Đối với các hoạt động giáo dục, nhà trường bố trí thời gian hợp lý, tránh chồng chéo, tạo điều kiện để trẻ được tham gia đầy đủ các hoạt động theo đúng chương trình, đồng thời tăng cường các hoạt động trải nghiệm, rèn luyện kỹ năng sống.

1.1. Đối với các lớp thực hiện Chương trình GDMN

Trong năm học 2025-2026, nhà trường đã triển khai thực hiện Chương trình Giáo dục mầm non theo hướng đảm bảo mục tiêu phát triển toàn diện cho trẻ, lấy trẻ làm trung tâm, phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị. Việc tổ chức các hoạt động giáo dục được sắp xếp linh hoạt, khoa học, vừa đảm bảo đúng yêu cầu của chương trình, vừa chú trọng đến nhu cầu, hứng thú và khả năng của trẻ ở từng độ tuổi.

Đối với hoạt động trải nghiệm: Nhà trường tăng cường tổ chức các hoạt động trải nghiệm đa dạng, phong phú, gắn với các chủ đề giáo dục và thực tiễn cuộc sống. Trẻ được tham gia vào các hoạt động như chăm sóc cây xanh, tham quan vườn rau, trải nghiệm nghề nghiệp (bác sĩ, công an, bộ đội, cô giáo...), tham gia trò chơi dân gian, lễ hội truyền thống. Các hoạt động trải nghiệm không chỉ giúp trẻ rèn luyện kỹ năng sống, phát triển tư duy sáng tạo, mà còn hình thành thói quen tốt, kỹ năng hợp tác, giao tiếp, ứng xử văn hóa. Nhà trường đặc biệt chú trọng việc gắn trải nghiệm với giáo dục bảo vệ môi trường, an toàn

giao thông, kỹ năng tự bảo vệ bản thân và xây dựng nền tảng năng lực số cho trẻ trong bối cảnh hiện nay.

Đối với việc tổ chức các hoạt động: Nhà trường triển khai hoạt động giáo dục theo hướng tích hợp, lồng ghép, lấy hoạt động của trẻ làm trung tâm. Các lĩnh vực phát triển như: phát triển thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm – kỹ năng xã hội và thẩm mỹ đều được thiết kế theo hướng mở, linh hoạt, phù hợp với đặc điểm lứa tuổi và bối cảnh địa phương. Giáo viên áp dụng đa dạng phương pháp dạy học như: dạy học qua chơi, ứng dụng công nghệ thông tin và phương tiện trực quan để kích thích sự hứng thú, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của trẻ. Đặc biệt, hoạt động làm quen chữ viết, làm quen toán được thực hiện nhẹ nhàng, không gò ép, tạo tâm thế thoải mái, giúp trẻ sẵn sàng bước vào lớp 1.

Nhìn chung, việc tổ chức các lớp thực hiện Chương trình Giáo dục mầm non tại trường đã góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Trẻ mạnh dạn, tự tin hơn trong giao tiếp, tích cực tham gia vào các hoạt động tập thể, có nhiều tiến bộ về nhận thức, kỹ năng và hành vi. Giáo viên được tạo điều kiện học tập, bồi dưỡng chuyên môn thường xuyên để đáp ứng yêu cầu đổi mới, qua đó nâng cao năng lực tổ chức các hoạt động giáo dục một cách sáng tạo, hiệu quả.

1.2. Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 08/CT-TTg ngày 01/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường triển khai công tác xây dựng văn hóa học đường theo hướng gắn việc xây dựng và tổ chức thực hiện văn hóa học đường với việc đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục...

Trong năm học 2025-2026, nhà trường tiếp tục triển khai thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 08/CT-TTg ngày 01/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác xây dựng văn hóa học đường. Trên cơ sở đó, Cán bộ quản lý đã ban hành kế hoạch cụ thể, gắn việc xây dựng và thực hiện văn hóa học đường với công tác đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, phù hợp với điều kiện thực tiễn của đơn vị.

Trước hết, nhà trường chú trọng xây dựng môi trường giáo dục thân thiện, an toàn và lành mạnh. Khuôn viên trường lớp được chỉnh trang, bố trí xanh – sạch – đẹp, tạo không gian gần gũi, an toàn, đáp ứng nhu cầu vui chơi, học tập và rèn luyện của trẻ. Các khu vực lớp học, sân chơi, vườn trường được khai thác hiệu quả để tổ chức các hoạt động giáo dục gắn với trải nghiệm, từ đó tạo sự hứng thú và gắn bó của trẻ với trường lớp.

Về xây dựng các giá trị văn hóa trong nhà trường, đội ngũ CBGVNV luôn nêu cao tinh thần gương mẫu trong lời nói, hành vi, ứng xử, qua đó hình thành chuẩn mực đạo đức, tác phong sư phạm và lối sống tích cực. Nhà trường đã ban hành và thực hiện nghiêm túc “Bộ quy tắc ứng xử văn hóa trong trường học”, coi đây là chuẩn mực để xây dựng môi trường làm việc và học tập đoàn kết, thân thiện, tôn trọng và hỗ trợ lẫn nhau. Đồng thời, các chuyên đề giáo dục kỹ năng sống, giáo dục đạo đức, tình cảm, kỹ năng giao tiếp, ứng xử văn minh cũng được lồng ghép thường xuyên vào các hoạt động của trẻ.

Đối với công tác tuyên truyền và phối hợp, nhà trường tổ chức nhiều hình thức phong phú như: sinh hoạt chuyên đề, hội thảo cha mẹ trẻ, tọa đàm về giáo dục văn hóa học đường, ngày hội và lễ hội truyền thống. Qua đó, phụ huynh, cộng đồng cùng tham gia, tạo sự đồng thuận và lan tỏa trong việc xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh.

Ngoài ra, nhà trường đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, giảng dạy và truyền thông giáo dục, nhằm xây dựng hình ảnh nhà trường hiện đại, hội nhập nhưng vẫn giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Giáo viên tích cực đổi mới phương

pháp, kết hợp trò chơi, hoạt động nghệ thuật, âm nhạc, múa hát, kể chuyện dân gian để giúp trẻ vừa tiếp thu kiến thức vừa hình thành nếp sống văn hóa ngay từ lứa tuổi mầm non.

Nhờ triển khai đồng bộ các giải pháp, phong trào “Xây dựng văn hóa học đường” của nhà trường đã đạt kết quả tích cực: trẻ em đến trường với tâm thế vui tươi, mạnh dạn, tự tin; giáo viên, nhân viên đoàn kết, trách nhiệm; cha mẹ trẻ tin tưởng, đồng hành. Đây là cơ sở để nhà trường tiếp tục thực hiện mục tiêu xây dựng văn hóa học đường bền vững, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ trong giai đoạn hiện nay.

1.3. Tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định số 1076/QĐ-TTg ngày 17/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án tổng thể phát triển giáo dục thể chất và thể thao trường học giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến năm 2025:

Ngay từ đầu năm học, nhà trường đã xây dựng kế hoạch cụ thể, bố trí thời khóa biểu hợp lý để dành thời gian cho trẻ tham gia các hoạt động vận động. Các tiết học thể dục, trò chơi vận động, múa hát tập thể, bài tập thể chất được tổ chức thường xuyên, phù hợp với độ tuổi, đảm bảo tính khoa học, an toàn và hấp dẫn. Nhà trường cũng quan tâm đổi mới hình thức và phương pháp tổ chức, kết hợp giữa hoạt động trong lớp, ngoài trời và các sân chơi mở nhằm khuyến khích trẻ vận động tự nhiên, hứng thú, không gò ép.

Về cơ sở vật chất và thiết bị phục vụ giáo dục thể chất, nhà trường đã chủ động rà soát, bổ sung, sửa chữa và đầu tư các trang thiết bị, đồ dùng vận động như: bóng, vòng, thang vận động, cầu trượt, xích đu, thảm thể dục. Đồng thời, khu vực sân chơi, vườn vận động được cải tạo, bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn để trẻ tham gia các hoạt động thể thao.

Trong quá trình triển khai, lãnh đạo nhà trường đã chỉ đạo giáo viên tăng cường lồng ghép nội dung giáo dục thể chất trong các hoạt động hằng ngày của trẻ, đồng thời phối hợp chặt chẽ với cha mẹ trẻ trong việc hướng dẫn, rèn luyện thói quen vận động tại gia đình. Công tác tuyên truyền về lợi ích của rèn luyện thể dục thể thao, chế độ dinh dưỡng hợp lý và chăm sóc sức khỏe trẻ em cũng được chú trọng thông qua các buổi họp phụ huynh, bản tin nhà trường và kênh truyền thông trực tuyến.

Nhờ triển khai đồng bộ, các hoạt động giáo dục thể chất và thể thao trong nhà trường đã đạt được nhiều kết quả tích cực: sức khỏe, tầm vóc và thể lực của trẻ được cải thiện rõ rệt; tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng giảm; trẻ mạnh dạn, tự tin, yêu thích vận động và có nền tảng tốt để phát triển toàn diện trong những giai đoạn tiếp theo.

2. Thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức dạy học

Đội ngũ giáo viên của nhà trường luôn xác định việc đổi mới phương pháp dạy học là nhiệm vụ quan trọng, nhằm phát huy tối đa tính tích cực, chủ động, sáng tạo của trẻ. Trên cơ sở chương trình Giáo dục mầm non, giáo viên đã vận dụng linh hoạt nhiều hình thức tổ chức hoạt động, phù hợp với từng độ tuổi, từng nội dung giáo dục và đặc điểm tâm sinh lý của trẻ.

Giáo viên thường xuyên áp dụng phương pháp dạy học lấy trẻ làm trung tâm, khuyến khích trẻ tham gia trực tiếp vào các hoạt động khám phá, trải nghiệm, thay vì chỉ tiếp nhận thụ động. Trong các tiết học, giáo viên chú trọng sử dụng đồ dùng trực quan, học liệu mở, công nghệ thông tin, kết hợp kể chuyện, trò chơi, âm nhạc, vận động, để tạo hứng thú và giúp trẻ dễ dàng tiếp thu kiến thức.

Ngoài ra, giáo viên vận dụng cách thức tổ chức linh hoạt như: dạy học qua chơi, dạy học theo dự án, hoạt động nhóm, hoạt động góc, hoạt động ngoài trời. Trẻ được khuyến khích tự đặt câu hỏi, đưa ra ý tưởng, thử nghiệm và giải quyết vấn đề dưới sự định hướng



nhẹ nhàng của giáo viên. Nhờ vậy, trẻ hình thành thói quen chủ động, tự tin, biết hợp tác và sáng tạo trong quá trình học tập.

Đặc biệt, trong các hoạt động phát triển ngôn ngữ, làm quen với chữ viết, làm quen với toán và các môn năng khiếu, giáo viên không áp đặt hay gò ép mà lồng ghép kiến thức vào các trò chơi, câu chuyện, bài hát, hoạt động thực hành. Qua đó, trẻ vừa được rèn luyện kỹ năng, vừa được phát triển trí tưởng tượng, óc quan sát và tư duy sáng tạo.

Kết quả cho thấy, đa số trẻ đều hứng thú tham gia, có tiến bộ rõ rệt về kỹ năng giao tiếp, khả năng hợp tác và tính mạnh dạn, tự tin. Giáo viên từng bước nâng cao năng lực sư phạm, biết khai thác hiệu quả các phương pháp giáo dục tiên tiến, góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc – giáo dục toàn diện của nhà trường.

3. Thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức kiểm tra, đánh giá

Nhà trường thực hiện đánh giá hồ sơ theo quy định, xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá (thường xuyên, giữa kỳ, cuối kỳ) phù hợp với kế hoạch dạy học; không kiểm tra, đánh giá vượt quá yêu cầu cần đạt hoặc mức độ cần đạt của chương trình.

4. Công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho trẻ việc xây dựng môi trường giáo dục dân chủ, an toàn, vệ sinh; biện pháp khắc phục tình trạng dạy thêm, học thêm, thu sai quy định

a. Công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho trẻ

Nhà trường tổ chức giáo dục đạo đức, lối sống cho trẻ thông qua các hoạt động chăm sóc, giáo dục hằng ngày và các hoạt động trải nghiệm phù hợp với lứa tuổi; chú trọng hình thành cho trẻ những hành vi, thói quen tốt, biết lễ phép, yêu thương, chia sẻ, tự phục vụ và chấp hành nội quy. Công tác giáo dục được thực hiện thường xuyên, gắn với nêu gương của giáo viên, phối hợp chặt chẽ với gia đình nhằm hình thành nền nếp và nhân cách ban đầu cho trẻ.

b. Việc xây dựng môi trường giáo dục dân chủ, an toàn, vệ sinh

Nhà trường xây dựng môi trường giáo dục dân chủ, an toàn, vệ sinh, bảo đảm quyền tham gia và tôn trọng ý kiến của CBGVNV và cha mẹ trẻ; thực hiện nghiêm các quy định về an toàn trường học, phòng chống tai nạn thương tích, bảo đảm vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm; tạo không gian học tập xanh – sạch – đẹp, thân thiện, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

7. Phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục

Nhà trường xây dựng và triển khai kế hoạch phát triển đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý bảo đảm đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu, đạt chuẩn và trên chuẩn về trình độ đào tạo; chú trọng bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, đạo đức nghề nghiệp, kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin; tạo điều kiện cho đội ngũ tự học, tự bồi dưỡng nhằm nâng cao năng lực, đáp ứng yêu cầu đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục mầm non.

8. Tăng cường cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Nhà trường quan tâm đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất và bổ sung thiết bị dạy học theo quy định, bảo đảm đồng bộ, an toàn và phù hợp với yêu cầu chăm sóc, giáo dục trẻ; khai thác, sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị hiện có, góp phần tạo môi trường giáo dục thuận lợi và nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

9. Thực hiện đổi mới công tác quản lý giáo dục

Nhà trường đổi mới công tác quản lý theo hướng khoa học, dân chủ, minh bạch và hiệu quả; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành; phát huy vai trò, trách nhiệm của cán bộ quản lý và đội ngũ giáo viên; thực hiện tốt quy chế dân chủ,

kiểm tra, giám sát và đánh giá, góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động giáo dục mầm non.

Nhà trường đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và giảng dạy. Hệ thống phần mềm quản lý trẻ, hồ sơ điện tử, sổ theo dõi sức khỏe, học tập của trẻ được cập nhật thường xuyên, minh bạch, góp phần giảm tải thủ tục hành chính và nâng cao hiệu quả quản lý. Giáo viên được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng ứng dụng CNTT vào thiết kế bài giảng điện tử, sử dụng học liệu số, tổ chức các hoạt động trực tuyến khi cần thiết. Ngoài ra, nhà trường tăng cường việc sử dụng các kênh thông tin trực tuyến như website, fanpage, nhóm Zalo để trao đổi, thông báo và kết nối với cha mẹ trẻ một cách nhanh chóng, hiệu quả.

Bên cạnh đó, công tác quản lý chuyên môn được đổi mới theo hướng dân chủ, công khai, minh bạch. Các tổ chuyên môn được trao quyền chủ động trong xây dựng kế hoạch hoạt động, được khuyến khích sáng tạo trong phương pháp, cách thức tổ chức giáo dục, đồng thời chịu sự giám sát, kiểm tra định kỳ nhằm đảm bảo chất lượng. Chính sự đổi mới trong công tác quản lý đã góp phần phát huy tinh thần trách nhiệm của đội ngũ, nâng cao hiệu quả giáo dục toàn diện của nhà trường.

10. Tăng cường công tác truyền thông giáo dục

Trong năm học vừa qua, nhà trường tăng cường công tác truyền thông giáo dục, trong đó tập trung các nội dung như:

Nhà trường thường xuyên cập nhật thông tin trên website, fanpage và các kênh truyền thông chính thống của trường, phản ánh kịp thời các hoạt động nổi bật, các phong trào thi đua, hội thi, ngày hội của trẻ, cũng như công tác nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Bên cạnh đó, các thông báo, hướng dẫn, tuyên truyền về dinh dưỡng, sức khỏe, an toàn, phòng chống dịch bệnh, kỹ năng chăm sóc trẻ tại gia đình cũng được truyền tải rộng rãi, giúp cha mẹ trẻ nắm bắt thông tin và phối hợp hiệu quả với nhà trường.

Ngoài ra, nhà trường còn phối hợp với các cơ quan báo chí, đài phát thanh địa phương để tuyên truyền về kết quả, thành tích nổi bật, nhân rộng các mô hình hay, cách làm sáng tạo. Các cuộc họp cha mẹ trẻ, tọa đàm, sinh hoạt chuyên đề cũng là kênh truyền thông quan trọng, góp phần gắn kết gia đình – nhà trường – xã hội trong công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ.

Nhờ triển khai đồng bộ, công tác truyền thông giáo dục của nhà trường trong năm học qua đã đạt nhiều kết quả tích cực: cha mẹ trẻ nắm bắt đầy đủ thông tin, yên tâm, tin tưởng vào chất lượng giáo dục; uy tín và hình ảnh của nhà trường ngày càng được nâng cao, tạo tiền đề quan trọng cho sự phát triển bền vững trong những năm tiếp theo.

Nơi nhận:

- Phòng VH-XH phường TDM;
- CBGVNV;
- Website trường;
- Bảng tin trường;
- Lưu: VT.



